

## Tác động bất đối xứng của chất lượng thể chế đến lượng khách du lịch: Nghiên cứu tại các nước thành viên ASEAN

PHÓNG VIÊN: NGUYỄN THỊ THANH HẰNG | NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI |

**EFR** Sử dụng mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến và kết quả hồi quy dữ liệu bảng, nghiên cứu phân tích tác động bất đối xứng của chất lượng thể chế đến lượng khách du lịch đến tại 10 quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2002-2023 thông qua 6 Chỉ số Quản trị Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới.

TS. Trần Phước Huy, Nguyễn Thanh Hằng, Nguyễn Thị Minh Ngọc,

Bùi Diệu Anh, Đinh Thị Ánh Tuyết, Trần Huyền Thương

Đại học Kinh tế Quốc dân

### Tóm tắt

Sử dụng mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến (NARDL) và kết quả hồi quy dữ liệu bảng, nghiên cứu phân tích tác động bất đối xứng của chất lượng thể chế đến lượng khách du lịch đến tại 10 quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2002-2023 thông qua 6 Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lượng khách du lịch phản ứng bất đối xứng với sự thay đổi của 3/6 chỉ số. Trong đó, Kiểm soát tham nhũng, Tiếng nói & trách nhiệm giải trình, và Ổn định chính trị & không có bạo lực có tác động phi tuyến tính đến lượng khách du lịch đến. Từ đó, nghiên cứu đề xuất kiến nghị giúp chính phủ các nước ASEAN xây dựng chính sách ngắn và dài hạn nhằm cải thiện khuôn khổ thể chế và phát triển chiến lược du lịch phù hợp.

**Từ khóa:** ASEAN, bất đối xứng, chất lượng thể chế, lượng khách du lịch

### Summary

Using the Nonlinear Autoregressive Distributed Lag (NARDL) model and panel data regression, this study analyzes the asymmetric impact of institutional quality on inbound tourism across 10 ASEAN member countries over the period 2002–2023, based on the six Worldwide Governance Indicators (WGI) provided by the World Bank. The findings reveal that tourist arrivals respond asymmetrically to changes in 3 out of 6 indicators. Specifically, Control of Corruption, Voice & Accountability, and Political Stability & Absence of Violence exhibit nonlinear effects on inbound tourism. Based on these results, the study proposes policy recommendations for ASEAN governments to develop short- and long-term strategies to improve institutional frameworks and foster sustainable tourism development.

**Keywords:** ASEAN, asymmetry, institutional quality, the number of tourist arrivals

### GIỚI THIỆU

Du lịch từ lâu đã được khẳng định là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, đặc biệt tại Đông Nam Á – khu vực có vị trí chiến lược giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Nhờ tiềm năng đó, nơi đây trở thành một trong những điểm đến du lịch phát triển nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển giữa các quốc gia trong khu vực lại chênh lệch đáng kể. Trong khi Thái Lan và Malaysia luôn dẫn đầu về lượng khách, các nước như Lào, Campuchia hay Myanmar chưa thể hiện rõ lợi thế cạnh tranh, phần nào do sự khác biệt về đầu tư, thương mại và đặc biệt là chất lượng thể chế (Ibitoye, 2023). Ngoài ra, tác động của các cuộc khủng hoảng toàn cầu như COVID-19 đã khiến lượng khách sụt giảm nghiêm trọng, dù có dấu hiệu phục hồi nhưng mức độ hồi phục khác nhau càng làm gia tăng sự chênh lệch. Bên cạnh đó, Châu Á nói chung phục hồi chậm hơn các khu vực khác do các biện pháp hạn chế nghiêm ngặt và rủi ro kinh tế - chính trị.

Dù nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò của chất lượng thể chế đối với phát triển kinh tế, tài chính và du lịch (Trâm, 2022; Detotto và cộng sự, 2021), hầu hết các nghiên cứu này mới chỉ xem xét mối quan hệ tuyến tính, bỏ qua khả năng tác động bất đối xứng - tức là tác động tích cực và tiêu cực có thể khác nhau về cường độ và thời gian. Trong bối cảnh chất lượng thể chế và quản trị ở ASEAN còn nhiều khác biệt, việc thiếu các nghiên cứu so sánh giữa các quốc gia là một khoảng trống lớn trong học thuật. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm phân tích tác động phi tuyến tính của chất lượng thể chế đến lượng khách du lịch đến tại 10 quốc gia ASEAN.

### MỚI NHẤT / ĐỌC NHIỀU



Nâng cao chất lượng nguồn lực tại Công ty TNHH MTV dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Xăng Dầu Bạc Liêu



Ảnh hưởng của video marketing đến nhận thức thương hiệu lòng trung thành của khách hàng thời trang tại Việt Nam



Phát triển kinh tế Thái Nguyên sau sắp xếp tinh: Cơ hội và thách thức



Ảnh hưởng của video marketing trên nền tảng TikTok đến lòng trung thành của khách hàng thời trang tại TP. Hà Nội



Kinh nghiệm quản lý nhân sự báo chí địa phương của một quốc gia và hàm ý cho Việt Nam

Từ đó, kết quả nghiên cứu hướng đến đóng góp hàm ý chính sách thiết thực cho quá trình phục hồi và phát triển du lịch bền vững, phù hợp với các mục tiêu SDGs và chiến lược ASEAN 2025.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết

#### **Thể chế và chất lượng thể chế**

Thể chế được hiểu theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào góc nhìn nghiên cứu, như Schotter (1981), Dixit (2004), nhưng được dùng phổ biến nhất là định nghĩa của North (1990) về thể chế là “luật chơi” trong xã hội – những quy tắc nhằm điều chỉnh và định hướng hành vi con người, qua đó giảm thiểu rủi ro và bất định trong tương tác hàng ngày.

Chất lượng thể chế phản ánh mức độ hoàn thiện và hiệu quả của hệ thống chính sách trong điều tiết quan hệ xã hội và thể hiện trình độ phát triển chính trị của một quốc gia. Trong nghiên cứu này, chất lượng thể chế được đo lường bằng Bộ chỉ số Quản trị Toàn cầu (Worldwide Governance Indicators – WGI) do Ngân hàng Thế giới công bố hàng năm từ năm 1996. Bộ chỉ số này đánh giá sáu khía cạnh chính gồm: kiểm soát tham nhũng, hiệu quả chính phủ, ổn định chính trị, chất lượng điều tiết, pháp quyền và tiếng nói – trách nhiệm giải trình, với thang điểm từ -2,5 đến +2,5.

#### **Chất lượng thể chế và lượng khách du lịch**

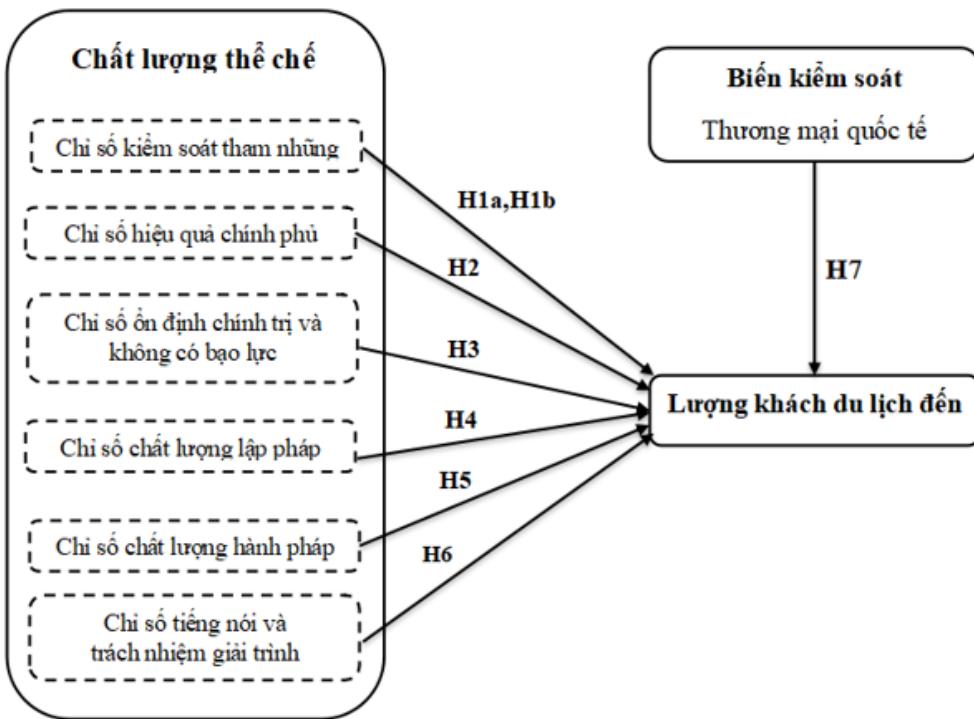
Trong bối cảnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tại nhiều quốc gia, chất lượng thể chế được xác định là một trong những yếu tố nền tảng, góp phần định hình môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm thiểu rủi ro và nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến. Các thể chế minh bạch và hiệu quả giúp tiết kiệm chi phí, bảo đảm an toàn và ổn định cho du khách cũng như các bên cung ứng dịch vụ, từ đó thúc đẩy tăng trưởng khách quốc tế và phát triển ngành du lịch.

Đã có nhiều nghiên cứu nhằm chứng minh cho mối quan hệ trên, Awan và cộng sự (2023) đã phân tích tác động không đối xứng của chất lượng thể chế tại các quốc gia BRICS giai đoạn 1996-2021. Nghiên cứu cho thấy, thể chế được cải thiện giúp tăng mạnh lượng khách du lịch, trong khi thể chế yếu gây ra cản trở rõ rệt, đồng thời nhấn mạnh vai trò của hạ tầng, hệ thống pháp lý và thương mại minh bạch trong thúc đẩy du lịch. Beha (2024) với dữ liệu từ 9 quốc gia Địa Trung Hải EU cũng cho thấy chất lượng thể chế – đặc biệt là pháp quyền, kiểm soát tham nhũng và điều tiết – đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập môi trường kinh doanh du lịch ổn định và đáng tin cậy. Bổ sung cho các phát hiện trên, Pişkin và Öğretmenoğlu (2023) phân tích dữ liệu từ 10 quốc gia đang phát triển (2001–2018) và xác định rằng mỗi mức tăng 1% trong chất lượng thể chế có thể kéo theo mức tăng 0,38% lượng khách du lịch.

Tóm lại, mặc dù rõ ràng chất lượng thể chế có tác động sâu sắc và đa chiều đến du lịch, các nghiên cứu về mối quan hệ này, đặc biệt sử dụng phương pháp NARDL, vẫn còn hạn chế. Hơn nữa, sự tương tác giữa các thể chế đối với ngành du lịch ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh, khả năng ứng phó với khủng hoảng, và sức hấp dẫn tổng thể của một khu vực trên thị trường du lịch toàn cầu. Việc xây dựng và củng cố thể chế không chỉ thúc đẩy lượng khách quốc tế đến mà còn đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và sự ổn định xã hội lâu dài.

### Mô hình nghiên cứu đề xuất

Từ cơ sở lý thuyết nói trên, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình.



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

H1a: Chỉ số kiểm soát tham nhũng tăng, cải thiện Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN trong dài hạn.

H1b: Chỉ số kiểm soát tham nhũng giảm, làm giảm Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN trong ngắn hạn.

H2: Chỉ số hiệu quả chính phủ có tác động cùng chiều với Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN.

H3: Chỉ số ổn định chính trị và không có bạo lực có tác động cùng chiều với Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN.

H4: Chỉ số chất lượng lập pháp có tác động cùng chiều với Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN.

H5: Chỉ số chất lượng hành pháp tác động ngược chiều với Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN.

H6: Chỉ số tiếng nói và trách nhiệm giải trình có tác động cùng chiều với Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN.

H7: Thương mại quốc tế có tác động cùng chiều với Lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN.

#### Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ 2002-2023 tại 10 quốc gia Đông Nam Á có những điểm đến du lịch nổi bật với lượng khách du lịch và doanh thu từ du lịch lớn trong khu vực là: Việt Nam, Thái Lan, Lào, Malaysia, Indonesia, Philippines, Brunei, Singapore, Campuchia và Myanmar. Biến phụ thuộc trong nghiên cứu là Lượng khách du lịch đến được thu thập từ cơ sở dữ liệu của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO). Nhằm kiểm định cho thấy rõ được sự bất đối xứng trong chất lượng thể chế đến du lịch qua biến phụ thuộc: Lượng khách du lịch đến, được thu thập từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới (WB). Biến độc lập là chất lượng thể chế bao gồm 6 chỉ số được thu thập từ Chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới.

Theo Demir và cộng sự (2019), khi xem xét tác động của quyền tự do báo chí đối với du lịch trong nước đã chọn lọc ra những biến kiểm soát có thể đánh giá tác động ý nghĩa của chất lượng thể chế đến du lịch. Từ đó, nhóm tác giả lựa chọn biến kiểm soát là Thương mại quốc tế, bộ chỉ số được thu thập tại báo cáo của International Trade Statistics của WTO cung cấp.

#### Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng mô hình NARDL phi tuyến tính, được phát triển bởi Shin và cộng sự (2014). Mô hình được đề xuất cách tiếp cận ngưỡng đơn (single-threshold), trong đó, biến độc lập được phân tách thành 2 cấu thành tổng từng phần âm và dương. Sau khi tiến hành kiểm định nghiệm đơn vị cho thấy các chuỗi dừng ở sai phân bậc 1, nhóm tác giả sử dụng mô hình NARDL để xác định mối liên kết bất đối xứng có thể có của chất lượng thể chế đối với doanh thu du lịch quốc tế trong ngắn hạn và dài hạn thông qua phân tách hệ số dương và âm của các biến độc lập. Dựa theo các nghiên cứu của Khan và cộng sự (2020) và Awan và cộng sự (2023), dạng tổng quát của mô hình NARDL được xây dựng như sau:

$$\begin{aligned} \Delta y_{it} = & \beta_{0i} + \beta_{1i} y_{t-1} + \beta_{2i}^+ x_{t-1}^+ + \beta_{2i}^- x_{t-1}^- + \beta_{3i}^+ \delta_{t-1}^+ + \beta_{3i}^- \delta_{t-1}^- + \sum_{j=1}^{N1} \pi_{ij} \Delta y_{i,t-j} \\ & + \sum_{j=0}^{N2} (\omega_{ij}^+ \Delta x_{i,t-j}^+ + \omega_{ij}^- \Delta x_{i,t-j}^-) + \sum_{j=0}^{N3} (\gamma_{ij}^+ \delta_{i,t-j}^+ + \\ & \gamma_{ij}^- \delta_{i,t-j}^-) + \phi_i + \varepsilon_{it} \quad (1) \end{aligned}$$

Trong đó,  $y$  đại diện cho log của doanh thu du lịch quốc tế cho quốc gia  $i$  tại thời điểm  $t$ ,  $x$  đại diện cho chất lượng thể chế,  $\delta$  đại diện log của các biến kiểm soát và  $\varepsilon_{it}$  là sai số ngẫu nhiên. Bên cạnh đó,  $x^+$  và  $x^-$  lần lượt biểu thị sự cải thiện và suy giảm của chất lượng thể chế. Những thay đổi này của thể chế được ước tính dựa trên tổng các thay đổi chất lượng thể chế dương và âm, như mô hình dưới đây:

$$x^+ = \sum_{k=1}^t \Delta x_{ik}^+ = \sum_{k=1}^t \max(\Delta x_{ik}, 0) \quad (2)$$

$$x^- = \sum_{k=1}^t \Delta x_{ik}^- = \sum_{k=1}^t \max(-\Delta x_{ik}, 0) \quad (3)$$

Đồng thời, khi có sự tồn tại của đồng liên kết, phương trình điều chỉnh sai số (ECT) thể hiện mối quan hệ dài hạn giữa các biến được thiết lập như sau:

$$\begin{aligned} \Delta y_{it} = & \theta_i \rho_{i,t-1} + \sum_{j=1}^{N1} \pi_{ij} \Delta y_{i,t-j} + \sum_{j=0}^{N2} (\omega_{ij}^+ \Delta x_{i,t-j}^+ + \omega_{ij}^- \Delta x_{i,t-j}^-) + \sum_{j=0}^{N3} (\gamma_{ij}^+ \delta_{i,t-j}^+ \\ & + \gamma_{ij}^- \delta_{i,t-j}^-) + \phi_i + \varepsilon_{it} \quad (4) \end{aligned}$$

Trong mô hình phi tuyến tính ARDL,  $p_{i,t-1}$  điều chỉnh sai số để ước tính trạng thái cân bằng dài hạn, trong khi tham số  $\theta_i$  điều chỉnh tốc độ để đo lường thời gian hội tụ về trạng thái cân bằng dài hạn khi có bất kỳ cú sốc nào xảy ra.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Kiểm định phụ thuộc chéo

Bảng 1: Kết quả kiểm định phụ thuộc chéo

|         | Breusch-Pagan LM | Pesaran scaled LM | Bias-corrected scaled LM | Pesaran CD |
|---------|------------------|-------------------|--------------------------|------------|
| InTA    | 705,021 ***      | 69,572 ***        | 69,334 ***               | 26,141 *** |
| RQ      | 344,777 ***      | 31,599 ***        | 31,361 ***               | 4,3 ***    |
| GE      | 216,152 ***      | 18,041 ***        | 17,802 ***               | 7,119 ***  |
| CC      | 232,851 ***      | 19,801 ***        | 19,563 ***               | 2,337 ***  |
| PV      | 226,583 ***      | 19,141 ***        | 18,902 ***               | 0,978 **   |
| RL      | 224,12 ***       | 18,881 ***        | 18,643 ***               | 9,764 ***  |
| VA      | 182,166 ***      | 14,458 ***        | 14,220 ***               | 2,793 ***  |
| InTrade | 764,127 ***      | 75,803 ***        | 75,565 ***               | 27,218 *** |

Ghi chú: \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 5%, 1%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Dựa trên kết quả có được ở Bảng 1, dữ liệu có sự phụ thuộc chéo, điều này có thể được lý giải bởi các quốc gia thành viên ASEAN được nghiên cứu có mối liên kết về mặt địa lý và kinh tế.

### Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị

Bảng 2: Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị thế hệ thứ hai CIPS

| Các biến | CIPS    |            |          |
|----------|---------|------------|----------|
|          | Bậc gốc | Sai phân 1 | Kết luận |
|          | t-stat  | t-stat     |          |
| InTA     | -1,388  | -4,706 *** | I(1)     |
| RQ       | -0,869  | -4,639 *** | I(1)     |

|         |        |            |      |
|---------|--------|------------|------|
| GE      | -0,514 | -4,628 *** | I(1) |
| CC      | -0,925 | -4,587 *** | I(1) |
| PV      | -1,249 | -4,725 *** | I(1) |
| RL      | -0,866 | -4,215 *** | I(1) |
| VA      | -1,262 | -3,773 *** | I(1) |
| InTrade | -1,053 | -3,316 *** | I(1) |

Ghi chú: \*, \*\* tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 10% và 1%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả của kiểm định nghiệm đơn vị thế hệ thứ hai được trình bày trong Bảng 2, cho thấy các biến trong mô hình dừng sau khi lấy sai phân bậc nhất I(1). Tổng hợp kết quả của kiểm định CIPS cho thấy các biến cơ sở đều tích hợp tại bậc nhất, không có biến nào tích hợp tại bậc 2, do đó nhóm tác giả có đủ cơ sở để tiến hành áp dụng phương pháp NARDL.

#### Kết quả kiểm định đồng liên kết

Bảng 3: Kết quả kiểm định đồng liên kết

| Kiểm định  | Hệ số   | Giá trị thống kê |
|--|---------|------------------|
| Pedroni  |         |                  |
| <i>Giá định hệ số tự hồi quy AR giống nhau giữa các nhóm</i> |         |                  |
| Modified variance ratio                                      | -3,4626 | 0,0003           |
| Modified Phillips-Perron                                     | 3,0026  | 0,0013           |
| Phillips Perron  | -4,7720 | 0,0000           |
| Augmented Dickey-Fuller                                      | -4,5545 | 0,0000           |
| <i>Giá định hệ số tự hồi quy AR khác nhau giữa các nhóm</i>  |         |                  |
| Modified Phillips-Perron                                     | 4,1255  | 0,0000           |
| Phillips Perron  | -3,2267 | 0,0006           |
| ADF  | -3,1054 | 0,0010           |
| <b>Kao</b>   |         |                  |
| ADF  | 3,4845  | 0,0003           |

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Bảng 3 trình bày kết quả kiểm tra tính đồng liên kết của biến phụ thuộc với các biến độc lập trong mô hình với giả thuyết H0 bác bỏ ở mức ý nghĩa 1% đối với cả bảy kiểm định đồng liên kết. Hai kết quả kiểm định Pedroni và Kao được sử dụng cho thấy có mối quan hệ đồng liên kết mạnh mẽ giữa các biến.

#### Kết quả kiểm định phi tuyến tính NARDL

Bảng 4: Kết quả kiểm định phi tuyến tính NARDL theo phương pháp PMG (Biến phụ thuộc InTA)

| <b>(1) Hiệu ứng dài hạn</b>  |           |               |            |         |
|------------------------------|-----------|---------------|------------|---------|
| Biên số                      | Hệ số     | Độ lệch chuẩn | Thông kê z | p-value |
| RQ +                         | 0,355     | 0,389         | 0,91       | 0,362   |
| RQ -                         | 0,379     | 0,846         | 0,45       | 0,654   |
| GE +                         | -2,189    | 1,281         | -1,71      | 0,088   |
| GE -                         | -2,078    | 1,713         | -1,21      | 0,225   |
| CC +                         | 3,662***  | 1,103         | 3,32       | 0,001   |
| CC -                         | -2,311    | 1,663         | -1,39      | 0,165   |
| PV +                         | 1,953***  | 0,748         | 2,61       | 0,009   |
| PV -                         | -1,526    | 1,116         | -1,37      | 0,172   |
| RL +                         | 2,593     | 1,552         | 1,67       | 0,095   |
| RL -                         | -0,022    | 2,259         | -0,01      | 0,992   |
| VA +                         | 2,737***  | 1,025         | 2,67       | 0,008   |
| VA -                         | -0,652    | 1,207         | -0,54      | 0,589   |
| lnTrade +                    | 2,816***  | 0,679         | 4,15       | 0,000   |
| lnTrade -                    | -2,607*   | 1,373         | -1,90      | 0,058   |
| <b>(2) Hiệu ứng ngắn hạn</b> |           |               |            |         |
| Biên số                      | Hệ số     | Độ lệch chuẩn | Thông kê t | p-value |
| ΔRQ +                        | -1,452    | 1,231         | -1,18      | 0,238   |
| ΔRQ -                        | 5,655     | 4,241         | 1,33       | 0,182   |
| ΔGE +                        | 0,502     | 0,594         | 0,84       | 0,399   |
| ΔGE -                        | -1,098    | 1,353         | -0,81      | 0,417   |
| ΔCC +                        | -1,132    | 0,892         | -1,27      | 0,205   |
| ΔCC -                        | 0,725     | 0,838         | 0,87       | 0,387   |
| ΔPV +                        | 0,772     | 0,653         | 1,18       | 0,237   |
| ΔPV -                        | 0,967**   | 0,447         | 2,16       | 0,030   |
| ΔRL +                        | -2,067    | 2,774         | -0,75      | 0,456   |
| ΔRL -                        | 1,505     | 1,931         | 0,78       | 0,436   |
| ΔVA +                        | -2,847    | 2,583         | -1,10      | 0,270   |
| ΔVA -                        | 2,925***  | 0,796         | 3,67       | 0,000   |
| ΔlnTrade +                   | -5,261*** | 1,305         | -4,03      | 0,000   |
| ΔlnTrade -                   | 5,047***  | 1,938         | 2,60       | 0,009   |

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5%, 1%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả kiểm định mô hình phi tuyến tính NARDL sử dụng phương pháp PMG ở Bảng 4 cho thấy, sự tác động bất đối xứng của các chỉ số chất lượng thể chế đến lượng khách du lịch (InTA). Cụ thể, 3/6 chỉ số được phân tích, bao gồm Kiểm soát tham nhũng (CC), Tiếng nói và trách nhiệm giải trình (VA) và Ổn định chính trị và không có bạo lực (PV), có ảnh hưởng bất đối xứng rõ rệt đến biến phụ thuộc này.

**Bảng 5: Kết quả kiểm định Wald (Wald test)**

|  | Hiệu ứng dài hạn |         | Hiệu ứng ngắn hạn |         |
|--|------------------|---------|-------------------|---------|
|  | Giá trị thống kê | P-value | Giá trị thống kê  | P-value |
|  |                  |         |                   |         |

|         |         |        |          |        |
|---------|---------|--------|----------|--------|
| RQ      | 0,00    | 0,9666 | 1,86     | 0,1730 |
| GE      | 0,00    | 0,9555 | 0,95     | 0,3305 |
| CC      | 5,81**  | 0,0159 | 2,25     | 0,1333 |
| PV      | 5,08**  | 0,0242 | 0,04     | 0,8427 |
| RL      | 0,73    | 0,3937 | 0,71     | 0,3935 |
| VA      | 2,90*   | 0,0886 | 3,70*    | 0,0543 |
| InTrade | 9,79*** | 0,0018 | 11,37*** | 0,0007 |

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5%, 1%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của kết quả mô hình, nhóm tác giả đã tiến hành kiểm định Wald test sau khi ước lượng mô hình dữ liệu bảng NARDL. Kết quả ở hai bảng kiểm định Wald ở Bảng 5 một lần nữa khẳng định sự tồn tại mối quan hệ bất đối xứng có được từ kết quả kiểm định phi tuyến tính NARDL.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, chất lượng thể chế có tác động bất đối xứng đến lượng khách du lịch tại các quốc gia ASEAN. Cụ thể, khi khả năng kiểm soát tham nhũng được cải thiện, lượng khách đến tăng đáng kể do môi trường kinh doanh minh bạch và đáng tin cậy. Ngược lại, khi yếu tố này suy giảm, tác động tiêu cực không rõ rệt, cho thấy du khách ít bị ảnh hưởng trong dài hạn bởi các thay đổi ngắn hạn trong kiểm soát tham nhũng. Tương tự, ổn định chính trị và an ninh có tác động tích cực rõ rệt: quốc gia duy trì môi trường chính trị ổn định thường hấp dẫn khách du lịch hơn nhờ mức độ rủi ro thấp. Tuy nhiên, sự suy giảm tạm thời của yếu tố này không làm giảm đáng kể lượng khách, thậm chí có những trường hợp khách du lịch vẫn tăng nhờ các biện pháp kích cầu hiệu quả. Đối với yếu tố tiếng nói và trách nhiệm giải trình, cải thiện quản trị giúp nâng cao hình ảnh quốc gia và niềm tin từ du khách trong dài hạn. Tuy nhiên, sự suy giảm không ảnh hưởng mạnh đến lượng khách do có thể được bù đắp bởi các yếu tố khác như thương hiệu điểm đến, cơ sở hạ tầng hay chính sách ưu đãi. Đáng chú ý, trong ngắn hạn, sự suy giảm tiếng nói và trách nhiệm giải trình lại có ảnh hưởng tiêu cực đáng kể, phản ánh sự nhạy cảm của du khách với các tín hiệu bất ổn trong quản trị. Tổng thể, nghiên cứu khẳng định vai trò then chốt của thể chế trong phát triển du lịch bền vững và khuyến nghị các quốc gia cần chủ động cải thiện chất lượng quản trị để duy trì sức hút dài hạn cho ngành.

### Kiến nghị

Để phát huy tiềm năng du lịch và giảm rủi ro tại các quốc gia ASEAN, đặc biệt là Việt Nam, Lào, Campuchia, đồng thời củng cố lợi thế tại Thái Lan, Malaysia, Singapore, cần cải cách thể chế theo lộ trình từng bước. Chiến lược đề xuất xây dựng bộ tiêu chuẩn thể chế chung của ASEAN với các tiêu chí về minh bạch, ổn định chính trị và giải quyết khiếu nại. Việc công khai thông tin, áp dụng công nghệ số và hệ thống phản hồi trực tuyến sẽ tăng niềm tin và giảm chi phí quản lý. Ngoài ra, cần đầu tư hạ tầng công nghệ, đào tạo nhân lực theo chuẩn quốc tế, thiết lập cơ chế liên thông và đẩy mạnh hợp tác khu vực. Các nước có nền quản trị tốt nên hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm. Đồng thời, đề xuất thành lập quỹ hỗ trợ cải cách và cống thông tin du lịch chung toàn ASEAN để nâng cao tính kết nối, năng lực cạnh tranh và niềm tin vào ngành du lịch khu vực./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akinyemi, Y. C. (2024). Determinants of International Tourist Arrivals in Nigeria: Dynamic Panel Data Regression Analysis, *Tourism*, 72(2).
2. Awan, A., Rahman, S. U., Ali, M., Zafar, M. (2023). Institutional Performance and Tourism Arrival Nexus in BRICS Countries: Evidence from Nonlinear ARDL Cointegration Approach. *IRASD Journal of Economics*, 5(1), 127-139.
3. Detotto, C., Giannoni, S., Goavec, C. (2021). Does good governance attract tourists?, *Tourism Management*, 82, 104155.
4. Ibitoye, O. J., Kleynhans, E. P. (2023). Influence of institutional quality, foreign direct investment and international trade on tourism inflow, *South Africa. Acta Commercii*, 23(1), 1-12.
5. Iftikhar, H., Pinglu, C., Ullah, S., Ullah, A. (2022). Impact of tourism on sustainable development in BRI countries: The moderating role of institutional quality, *Plos one*, 17(4), e0263745.
6. Khan, M. A., Popp, J., Talib, M. N. A., Lakner, Z., Khan, M. A., & Oláh, J. (2020). Asymmetric impact of institutional quality on tourism inflows among selected Asian Pacific countries, *Sustainability*, 12(3), 1223.
7. Kim, Y.R., Saha, S., Vertinsky, I. and Park, C. (2018). The Impact of national institutional quality on international tourism inflows: a cross-country evidence, *Tourism Analysis*, 23(4), 533-551.
8. Mushtaq, R., Thoker, A. A., Bhat, A. A. (2021). Does institutional quality affect tourism demand?, *Evidence from India*. 4(5), 622–638. <https://doi.org/10.1108/JHTI-05-2020-0088>

9. Shin, Y., Yu, B., Greenwood-Nimmo, M. (2014). Modelling asymmetric cointegration and dynamic multipliers in a nonlinear ARDL framework, *Festschrift in honor of Peter Schmidt*, 12, 281-314.

10. Trâm, N. H. M., Ngọc, B. H. (2022). Phát triển tài chính, tăng trưởng kinh tế và chất lượng thể chế ở các nước khu vực Đông Nam Á, *Proceeding*, 17(1), 23-35.

Ngày nhận bài: 05/6/2025; Ngày hoàn thiện biên tập: 16/6/2025; Ngày duyệt đăng: 19/6/2025

ASEAN khách du lịch quốc tế chất lượng thể chế tác động bất đối xứng



Tác động của các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các nước Đông Nam Á



Chiến lược kinh tế tuần hoàn tại ASEAN: So sánh thể chế và hàm ý chính sách cho Việt Nam



Phân bổ vốn ODA của Nhật Bản vào ASEAN giai đoạn 2010-2023

## Bình luận

Để lại bình luận

Gửi



## Tin khác



### Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Xăng Dầu Bạc Liêu

Trong những năm qua, Chi nhánh Xăng Dầu Bạc Liêu đã ghi nhận nhiều nỗ lực trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, Chi nhánh cần có những giải pháp để khắc phục một số hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:45 | 17/09/2025



### Ảnh hưởng của video marketing đến nhận thức thương hiệu và lòng trung thành của khách hàng ngành thời trang tại Việt Nam

Video marketing ngày càng trở thành công cụ chiến lược trong ngành thời trang Việt Nam, góp phần nâng cao nhận thức thương hiệu và củng cố lòng trung thành của khách hàng.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:37 | 17/09/2025



### Phát triển kinh tế Thái Nguyên sau sắp xếp tỉnh: Cơ hội và thách thức

Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng phát triển kinh tế của 2 địa phương trước sắp xếp, những cơ hội và thách thức sau sắp xếp, từ đó đưa ra một số kiến nghị



nhằm phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:25 | 17/09/2025



## Ảnh hưởng của video marketing trên nền tảng TikTok đến hành vi mua hàng ngẫu hứng của sinh viên TP. Hà Nội

TP. Hà Nội quy tụ một lượng lớn sinh viên đến từ nhiều tỉnh, thành khác nhau. Sinh viên là nhóm người dùng TikTok năng động, cởi mở với xu hướng mới và có nhu cầu tiêu dùng đa dạng. Do đó, việc nghiên cứu ảnh hưởng của video marketing trên nền...

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:20 | 17/09/2025



## Kinh nghiệm quản lý nhân lực báo chí địa phương của một số quốc gia và hàm ý cho Việt Nam

Việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước có nền báo chí hiện đại có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động quản lý, giám sát và xây dựng cơ chế, chính sách cho phát triển nhân lực báo chí địa phương ở Việt Nam.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:17 | 17/09/2025



## Thẩm định tài sản sổ trong cho vay đổi mới sáng tạo: Phân tích tình huống và bài học cho ngân hàng thương mại Việt Nam

Nghiên cứu này phân tích sâu các tình huống thực tiễn về thẩm định tài sản sổ làm tài sản đảm bảo hoặc cơ sở đánh giá dòng tiền, nhằm nhận diện các bất cập, rủi ro tín dụng tiềm tàng và màu thuần pháp lý.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:48 | 16/09/2025



## Phong cách lãnh đạo và sự sáng tạo của người lao động: Nghiên cứu trường hợp tại Đài Tiếng nói nhân dân TP. Hồ Chí Minh

Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ 120 viên chức, phóng viên, biên tập viên đang công tác tại Đài Tiếng nói nhân dân TP. Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu cho thấy, phong cách lãnh đạo chuyển đổi có tác động tích cực đáng kể đến sáng tạo, trong khi...

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 09:45 | 16/09/2025



## Trao đổi về chứng từ kế toán của các đơn vị hành chính sự nghiệp

Theo Luật Kế toán 2025, chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 07:36 | 16/09/2025



## Kỹ năng công nghệ thông tin của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số nhìn từ khía cạnh an toàn thông tin mạng(\*)

Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng và nhu cầu phát triển kỹ năng công nghệ thông tin từ khía cạnh an toàn thông tin mạng của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc trang bị và phát triển kỹ năng công nghệ...

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 20:26 | 15/09/2025



## Tác động của Chỉ số bất định tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương đến các thị trường tài chính truyền thống

Nghiên cứu khẳng định, tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương đã trở thành một



nhân tố rủi ro mới trong hệ thống tài chính toàn cầu; đồng thời, đưa ra khuyến nghị chính sách cho cơ quan quản lý và gợi ý chiến lược phân bổ danh mục cho nhà đầu...

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 20:20 | 15/09/2025



## Giải pháp hoàn thiện hoạt động Digital marketing của Công ty Cổ phần Công nghệ và Sáng tạo Trẻ TEKY

Nghiên cứu góp phần hệ thống các lý thuyết để giúp các doanh nghiệp có cái nhìn tổng quát về Digital marketing và đưa ra gợi ý thực tiễn cho doanh nghiệp giáo dục công nghệ tại Việt Nam.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 15:57 | 15/09/2025



## Vai trò đóng kiến tạo của Gen Z trong xây dựng thương hiệu du lịch Cần Thơ qua mạng xã hội

Nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của Gen Z trong xây dựng thương hiệu du lịch Cần Thơ thông qua hoạt động sáng tạo nội dung, mức độ tương tác và khả năng tạo xu hướng. Kết quả nghiên cứu cho thấy Gen Z không chỉ là nhóm tiêu dùng mà còn...

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 13:45 | 15/09/2025



## Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hải quan đối với xuất khẩu dăm gỗ

Bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải có quy định, hướng dẫn cụ thể hơn để vừa nâng cao hiệu quả quản lý hải quan, vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu dăm gỗ.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 13:31 | 15/09/2025



## Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ: Một số lý luận, kinh nghiệm của các nước và khuyến nghị với Việt Nam

Doanh nghiệp do nữ làm chủ đã và đang đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế ở mỗi quốc gia. Do đó, ưu tiên phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là một yêu cầu cần thiết và khách quan đối với nền kinh tế đất nước.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 20:06 | 14/09/2025



## Chiến lược phát triển năng lượng sạch ở Đức, Đan Mạch và Trung Quốc: Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và những cam kết quốc tế về trung hòa carbon (Net Zero), việc chuyển dịch sang năng lượng sạch đang trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 20:49 | 13/09/2025



## Quyết định mua sắm trực tuyến trong kỷ nguyên số: Vai trò trung gian của ý định mua hàng trên nền tảng TikTok shop

Sinh viên là nhóm khách hàng tiềm năng với đặc điểm sử dụng mạng xã hội thường xuyên và có xu hướng mua sắm trực tuyến cao. Nghiên cứu tập trung vào vai trò trung gian của ý định mua hàng trong quyết định mua trực tuyến trên TikTok Shop...

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 15:16 | 13/09/2025



## Trí tuệ nhân tạo đối với kiểm toán độc lập: Một số lợi ích và rủi ro

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu, kết hợp với phân tích các báo cáo học thuật của các tổ chức uy tín như IAASB, IIA, IFAC và các bài báo khoa học gần đây, nhằm chỉ ra một số lợi ích và rủi ro của AI đến kiểm toán độc lập.



## Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong mô hình kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh như dự báo sản lượng, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và quản trị tài chính vẫn còn hạn chế do chịu tác động bởi nhiều yếu tố như trình độ công nghệ, nhận thức của lãnh đạo hợp tác xã,...

Nghiên cứu - Trao đổi | 16:16 | 12/09/2025



## Chính sách tài khóa của Việt Nam trong việc ứng phó với các cú sốc kinh tế

Chính sách tài khóa đã được Việt Nam sử dụng như một công cụ hữu hiệu để điều hành nền kinh tế qua các giai đoạn biến động lớn. Quá trình này không chỉ bóc lô những thách thức và sự đánh đổi có hưu, mà còn cho thấy sự tiến bộ trong năng lực...

Nghiên cứu - Trao đổi | 16:04 | 12/09/2025



## Quản lý tài chính thúc đẩy phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Công đoàn

Trong những năm qua, Trường Đại học Công đoàn đã chú trọng phát triển hoạt động khoa học và công nghệ, coi đây là nhiệm vụ quan trọng song hành cùng hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, công tác quản lý tài chính cho hoạt động này bên cạnh...

Nghiên cứu - Trao đổi | 15:45 | 12/09/2025

XEM THÊM

[CHIẾN LƯỢC - QUY HOẠCH](#) [DỰ BÁO KINH TẾ](#) [TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG](#) [DOANH NGHIỆP](#) [ĐỔI MỚI SÁNG TẠO](#) [DIỄN ĐÀN KHOA HỌC](#)

Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Ấn phẩm của Tạp chí Kinh tế - Tài chính  
GPXB: 477/GP-BTTTT, do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 26/12/2023  
Tổng Biên tập: Phạm Thu Phong  
Tòa soạn: 162 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.  
Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn  
Chỉ được phát hành lại thông tin từ website này khi có sự đồng ý bằng văn bản của Tạp chí Kinh tế và Dự báo

Based on MasterCMS Ultimate Edition 2025 v2.9

**Tạp chí**  
**Kinh tế**  
**và Dư báo**  
Economy & Forecast Review Online